



TN 94 R
– Raccordo di estremità a gomito
– Stud Elbows

Filettatura: Gas conica
Thread: B.S.P. tapered

Serie Series	Ø Tubo Tube O.D. d ₁	PN	Ø F2	I	L	L1	L2	L3	CH1	CH2	Simbolo di ordinazione - Part. No.		Peso - Weight kg.×100 P.			
											Completo Complete	Solo corpo Only body	Completo Complete	Solo corpo Only body		
LL	100	4	1/8"	8	21	11	17	15	10	9	TN 94 - 4 LLR	TS 94 - 4 LLR	1,5	1,1		
			1/8"	8	21	9,5	17	15	12	9	TN 94 - 5 LLR	TS 94 - 5 LLR	1,7	1,1		
			1/8"	8	21	9,5	17	15	12	9	TN 94 - 6 LLR	TS 94 - 6 LLR	1,6	1,0		
			1/8"	8	23	11,5	20	17	14	12	TN 94 - 8 LLR	TS 94 - 8 LLR	2,2	1,5		
			1/4"	12	27	15	25	20,5	17	14	TN 94 - 10 LLR	TS 94 - 10 LLR	4,1	2,9		
			1/4"	12	25	13	23	19	19	17	TN 94 - 12 LLR	TS 94 - 12 LLR	4,8	3,4		
L	315	6	1/8"	8	27	12	20	19	14	12	TN 94 - 6 LR	TS 94 - 6 LR	3,0	2,0		
			1/4"	12	29	14	26	21	14	12	TN 94 - 6 LR 1/4"	TS 94 - 6 LR 1/4"	3,7	2,6		
		8	1/8"	8	29	14	26	21	17	12	TN 94 - 8 LR 1/8"	TS 94 - 8 LR 1/8"	4,0	2,4		
			1/4"	12	29	14	26	21	17	12	TN 94 - 8 LR	TS 94 - 8 LR	4,3	2,5		
		8	3/8"	12	32	17	28	24	17	17	TN 94 - 8 LR 3/8"	TS 94 - 8 LR 3/8"	6,5	4,8		
			1/4"	12	30	15	27	22	19	14	TN 94 - 10 LR	TS 94 - 10 LR	5,3	3,3		
		10	3/8"	12	32	17	28	24	19	17	TN 94 - 10 LR 3/8"	TS 94 - 10 LR 3/8"	7,0	5,0		
			1/2"	14	36	21	34	28	19	19	TN 94 - 10 LR 1/2"	TS 94 - 10 LR 1/2"	10,8	8,8		
		12	1/4"	12	32	17	28	24	22	17	TN 94 - 12 LR 1/4"	TS 94 - 12 LR 1/4"	7,3	4,5		
			3/8"	12	32	17	28	24	22	17	TN 94 - 12 LR	TS 94 - 12 LR	7,4	4,6		
		12	1/2"	14	36	21	34	28	22	19	TN 94 - 12 LR 1/2"	TS 94 - 12 LR 1/2"	11,6	8,7		
			3/8"	12	36	21	34	28	27	19	TN 94 - 15 LR 3/8"	TS 94 - 15 LR 3/8"	12,8	8,2		
		15	1/2"	14	36	21	34	28	27	19	TN 94 - 15 LR	TS 94 - 15 LR	13,0	8,5		
			1/2"	14	40	23,5	36	31	32	24	TN 94 - 18 LR	TS 94 - 18 LR	17,8	11,0		
		22	160	3/4"	16	44	27,5	42	25	36	27	TN 94 - 22 LR	TS 94 - 22 LR	25,4	16,7	
					18	47	30,5	48	38	41	36	TN 94 - 28 LR	TS 94 - 28 LR	39,3	29,3	
20	56				34,5	54	45	50	41	TN 94 - 35 LR	TS 94 - 35 LR	58,8	43,7			
22	63				40	61	51	60	50	TN 94 - 42 LR	TS 94 - 42 LR	94,0	69,5			
S	630	14	1/4"	12	31	16	26	23	17	12	TN 94 - 6 SR	TS 94 - 6 SR	5,3	3,3		
			1/4"	12	32	17	27	24	19	14	TN 94 - 8 SR	TS 94 - 8 SR	6,7	4,3		
			3/8"	12	34	17,5	28	25	22	17	TN 94 - 10 SR	TS 94 - 10 SR	9,2	5,9		
			3/8"	12	38	21,5	31	29	24	17	TN 94 - 12 SR	TS 94 - 12 SR	11,4	7,7		
			1/2"	12	36	21	34	30	27	19	TN 94 - 12 SR 1/2"	TS 94 - 12 SR 1/2"	13,3	9,7		
			1/2"	14	40	22	32	30	27	19	TN 94 - 14 SR	TS 94 - 14 SR	14,7	9,3		
	400	16	3/8"	12	43	24,5	32	33	30	24	TN 94 - 16 SR 3/8"	TS 94 - 16 SR 3/8"	20,6	13,6		
				14	43	24,5	32	33	30	24	TN 94 - 16 SR	TS 94 - 16 SR	19,6	12,7		
				14	48	26,5	42	37	36	27	TN 94 - 20 SR 1/2"	TS 94 - 20 SR 1/2"	31,8	20,5		
				16	48	26,5	42	37	36	27	TN 94 - 20 SR	TS 94 - 20 SR	32,2	20,9		
				18	54	30	48	42	46	36	TN 94 - 25 SR	TS 94 - 25 SR	58,6	37,6		
				20	62	35,5	54	49	50	41	TN 94 - 30 SR	TS 94 - 30 SR	83,8	60,4		
				315	1"1/2	22	72	41	61	57	60	50	TN 94 - 38 SR	TS 94 - 38 SR	127,1	93,7

- Le dimensioni di ingombro si intendono a raccordo chiuso.
- Overall sizes are with closed fitting.
- Per ordinare i raccordi in ACCIAIO INOX (AISI 316) sostituire nel codice di ordinazione la lettera "T" con la lettera "I".
- To order stainless steel fittings (AISI 316), replace the letter "T" with the letter "I".